

TRƯỜNG THPT ĐOÀN KẾT
BAN THI ĐUA HỌC SINH

TỔNG HỢP THI ĐUA TUẦN 29

Tuần 29 (thứ 7 ngày 2/4 đến tiết 5 thứ 6 ngày 8/4/2022)

T T	LỚP	TỔNG G	X H	XL	P	K P	Giờ A	GHI CHÚ
1	10A0 1	96	30	Tốt	3	0	26	Nhật Trường trể.
2	10A0 2	97	25	Tốt	2	0	28	Quốc Trung trể; rác ngăn bàn (hộp nước, khăn giấy...)
3	10A0 3	95.5	33	Kh á	1	0	29	1B, Minh Tâm, Phát, Thế Phương trể; rác ngăn bàn nhiều (giấy, bút...)
4	10A0 4	97.5	20	Kh á	1	0	27	1B, 1C
5	10A0 5	97.5	20	Tốt	0	0	22	2B, Hữu Bằng trể, chưa nộp sổ đầu bài TD
6	10A0 6	98	19	Tốt	1	0	26	1B, chưa nộp sổ đầu bài TD
7	10A0 7	99.5	4	Tốt	1	0	29	0
8	10A0 8	99	9	Tốt	0	0	30	Nhật Tâm trể.
9	10A0 9	96	30	Tốt	5	0	29	1B, Thùy Tâm, Minh Thịnh trể.
10	10A1 0	94	35	Kh á	6	0	23	2B; chưa nộp sổ đầu bài TD; Kiều Nhi, Hoàng Sang trể.
11	10A1 1	94.5	34	Kh á	5	0	28	1C; Châu Kiệt trể thứ 2 và thứ 6, Ngọc Thảo trể.
12	10A1 2	99	9	Tốt	1	0	28	1B
13	11A0 1	99.5	4	Tốt	0	0	28	Nguyễn Khang trể.
14	11A0 2	99	9	Tốt	2	0	29	Hoàng My trể.
15	11A0 3	91	36	Kh á	1 0	0	26	2B, Đức Khoa, Gia Bảo trể.
16	11A0 4	97.5	20	Tốt	3	0	26	Chưa nộp sổ đầu bài TD
17	11A0 5	96.5	28	Tốt	5	0	28	1B, Uyên Nhi trể.
18	11A0 6	98.5	16	Tốt	0	0	27	Ly, Bảo Thy, Kim Anh trể.
19	11A0 7	97.5	20	Tốt	1	0	27	Rác nhiều (mẫu vụn, giấy, hộp sữa...) 2 hôm.

20	11A0 8	99	9	Tốt	0	0	27	1B, Thanh Hiệp trẻ.
21	11A0 9	99	9	Tốt	0	0	28	Kim Liên, Tú Phương trẻ.
22	11A1 0	97	25	Tốt	5	0	29	1B
23	11A11	100	1	Tốt	0	0	30	0
24	11A1 2	97.5	20	Kh á	1	0	29	1C, Duy Anh trẻ.
25	12A0 1	99	9	Tốt	2	0	28	0
26	12A0 2	98.5	16	Tốt	2	0	25	1B
27	12A0 3	98.5	16	Tốt	3	0	27	0
28	12A0 4	100	1	Tốt	0	0	27	0
29	12A0 5	99	9	Tốt	2	0	27	0
30	12A0 6	96	30	Tốt	5	0	26	Phuong Uyên, Thê Vinh, Đức Tuệ trẻ.
31	12A0 7	99.5	4	Tốt	1	0	28	0
32	12A0 8	96.5	28	Tốt	1	0	27	1B, Ngọc Sáng trẻ; lớp bẩn (đất, nước...) cả tuần không dọn.
33	12A0 9	97	25	Tốt	2	0	23	2B, không nộp sổ TD
34	12A1 0	99.5	4	Tốt	1	0	27	0
35	12A1 1	100	1	Tốt	0	0	28	0
36	12A1 2	99.5	4	Tốt	1	0	27	0

Phản theo dõi của Giám thị, Quý thầy (cô) xem ở mặt sau. Xin cảm ơn!

PHÓ BAN

BTĐT

Nguyễn Thanh Công

Giám thị tổng hợp

T T	LỚP	MỤC 1														MỤC 2						GHI CHÚ
		1	2	3	5	5	5	1	P	K	Tr			6	6	6						
		a	A	B	C				ễ	4	5	a	b	c								

1	10A0 1	1							3	0								Dùng sử dụng đt trong giờ học
2	10A0 2								2	0								
3	10A0 3								1	0								
4	10A0 4								1	0								
5	10A0 5								0	0								
6	10A0 6								1	0								
7	10A0 7								1	0								
8	10A0 8								0	0								
9	10A0 9								5	0								
10	10A1 0								6	0								
11	10A11								5	0								
12	10A1 2								1	0								
13	11A01								0	0								
14	11A02								2	0								
15	11A03	1							1 0	0								HS sử dụng đt trong giờ học
16	11A04								3	0								
17	11A05								5	0								
18	11A06								0	0								
19	11A07								1	0								
20	11A08								0	0								
21	11A09								0	0								
22	11A10								5	0								
23	11A11								0	0								
24	11A12								1	0								
25	12A0 1								2	0								
26	12A0 2								2	0								
27	12A0 3								3	0								
28	12A0 4								0	0								
29	12A0 5								2	0								
30	12A0 6								5	0								
31	12A0 7								1	0								
32	12A0 8								1	0								(miễn 3P, Phương Uyên nghỉ điều trị bệnh)

33	12A09								2	0							
34	12A10								1	0							
35	12A11								0	0							
36	12A12								1	0							

Có gì chưa đúng, kính mong quý thầy (cô) chủ nhiệm phản hồi với thầy Công trước chủ nhật.